TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc** ----------

Bản án số: 41/2019/HN-ST
Ngày 02/8/2019
Về việc: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Liễu.
2. Ông Nguyễn Chí Cường.
- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Lê Minh Thành – Thư ký tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 57/2019/TLST – HN ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2019/QĐST – DS ngày 24/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HN ngày 16/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Hiền T**, sinh năm 1980, địa chỉ: số 59/1, đường NVT, phường 2, thành phố ĐL, tỉnh LĐ.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Thanh Th**, sinh năm 1974, địa chỉ: khu 4, thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị Hiền T và anh Thanh Th).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Dương Thị Hiền T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Thanh Th chung sống với nhau năm 2012, do tự nguyện có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã LH, huyện BL, tỉnh LA cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64/2012. Sau khi cưới tôi và anh Thanh Th sống chung tại tỉnh TG do tôi không có việc làm và không phù hợp với khí hậu nên tôi và anh Thanh Th trở lại ĐL sống. Năm 2014, do tôi và anh Thanh Th có bất đồng ý kiến nên anh Thanh Th về TG sống, từ đó một năm vợ chồng chỉ gặp nhau hai ba lần mỗi lần gặp lại tranh cải nhiều hơn. Đến năm 2016, công việc làm ăn của anh Thanh Th không thuận tôi khuyên anh Thanh Th về ĐL chung sống với tôi nhưng anh không đồng ý và

nghi ngờ tôi không chung thủy nên mâu thuẫn ngày càng gay gắt đến tháng 6/2018 vợ chồng ly thân không còn qua lại cho đến nay.

Về con chung: Tôi và anh Thanh Th không có con chung.

Về tài sản chung: Tôi và anh Thanh Th không có tài sản chung.

Về nợ chung: Tôi và anh Thanh Th không có nợ chung.

Yêu cầu Tòa giải quyết:

Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Th.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh Th đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước tống đạt hợp lệ, đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Thanh Th không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho tòa án.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa cùng ý kiến phát biểu của kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xác định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Dương Thị Hiền T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Th căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình xác định đây là tranh chấp "xin ly hôn".

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Thanh Th có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn MP, huyện TP, tỉnh TG. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh TG.

[3] Về tố tụng: Xét thấy chị Dương Thị Hiền T là nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Thanh Th là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước triệu tập hợp lệ đến phiên xét xử lần thứ hai nhưng anh Thanh Th vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Hiền T và anh Thanh Th.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Hiền T:

[4.1] Về hôn nhân: Chị Hiền T xin ly hôn với anh Thanh Th vì trong quá trình chung sống tính tình bất đồng, thường xuyên cải nhau. Vợ chồng đã liên tục hai năm sống trong cảnh xa cách về địa lý anh Thanh Th ở TG, chị Hiền T ở ĐL một năm vợ chồng chỉ gặp nhau hai đến ba lần. Anh Thanh Th không đồng ý về ĐL chung sống với chị Hiền T dù chị đã nhiều lần động viên anh. Tháng 6 năm 2018, anh Thanh Th về nhà cha mẹ ruột ở TG sống và không liên lạc với chị Hiền T nên anh chị đã thực tế ly thân từ đó đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị Hiền T và anh Thanh Th lúc mới phát

sinh là không lớn nhưng anh chị không tìm cách khắc phục để kéo dài ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị Hiền T và anh Thanh Th sống ly thân không có điều kiện hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân hiện tại không đạt được. Chị Hiền T xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Thanh Th nhưng anh không đến tham dự phiên tòa cũng không có gửi văn bản trình bày ý kiến. Như vậy, cho thấy anh Thanh Th không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị Hiền T nên Hội đồng xét xử xét cho chị Hiền T được ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Hiền T khai không có và không có yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Dương Thị Hiền T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, anh Thanh Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẻ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị Hiền T đối với anh Nguyễn Thanh Th.

Về hôn nhân: Chị Dương Thị Hiền T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Th.

2. Về án phí:

2.1 Chị Dương Thị Hiền T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19720 ngày 28/3/2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Vậy chị Hiền T đã nộp xong án phí.

2.2 Anh Nguyễn Thanh Th không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1 Chị Dương Thị Hiền T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

3.2 Anh Nguyễn Thanh Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tòa tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 10 giờ cùng ngày.

Nơi nhận:
- Tóa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Tân Phước;
- THADS huyện Tân Phước;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính